

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỮ LIỆU ENTER VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ DỮ LIỆU ENTER VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ENTER VIET NAM TECHNOLOGY AND DATA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ENTER VIET NAM TECHNOLOGY AND DATA CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109169290

3. Ngày thành lập: 05/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10, hẻm 40/35/35, ngõ 70 đường Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912982560

Fax:

Email: mr.bangoc@gmail.com

Website: vietnamlens.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911(Chính)
2.	Hoạt động hậu kỳ	5912
3.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
4.	Hoạt động chiếu phim	5914
5.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
6.	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác	6022
7.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
8.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
9.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
10.	Lập trình máy vi tính	6201
11.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
12.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
13.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
14.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312

15.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại trong lĩnh vực công nghệ thông tin (không bao gồm thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông); - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử (không bao gồm thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông); - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; - Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu; - Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin.(Điều 52 Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11)	6399
16.	Xuất bản phần mềm	5820
17.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng là dịch vụ giám sát, phân tích lưu lượng dữ liệu truyền trên hệ thống thông tin; thu thập, phân tích dữ liệu nhật ký theo thời gian thực; phát hiện và đưa ra cảnh báo sự kiện bất thường, có nguy cơ gây mất an toàn thông tin; - Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng là dịch vụ ngăn chặn các hành vi tấn công, xâm nhập vào hệ thống thông tin thông qua việc giám sát, thu thập, phân tích các sự kiện đang xảy ra trên hệ thống thông tin; - Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng là dịch vụ hỗ trợ tư vấn, kiểm tra, đánh giá, triển khai, thiết kế, xây dựng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin; - Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng là dịch vụ xử lý, khắc phục kịp thời sự cố gây mất an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin; - Dịch vụ khôi phục dữ liệu là dịch vụ khôi phục dữ liệu trong hệ thống thông tin đã bị xóa hoặc hư hỏng; - Dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng là dịch vụ rà quét, kiểm tra, phân tích cấu hình, hiện trạng, dữ liệu nhật ký của hệ thống thông tin; phát hiện lỗ hổng, Điểm yếu; đưa ra đánh giá rủi ro mất an toàn thông tin; - Dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự là dịch vụ hỗ trợ người sử dụng bảo đảm tính bí mật của thông tin, hệ thống thông tin mà không sử dụng hệ thống mật mã dân sự. (Điều 3 Nghị định 108/2016/NĐ-CP)	7490
18.	Hoạt động viễn thông khác	6190
19.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
20.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

21.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
22.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
23.	Xây dựng nhà để ở	4101
24.	Xây dựng nhà không để ở	4102
25.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
26.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27.	Xây dựng công trình điện	4221
28.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
29.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
30.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
31.	Xây dựng công trình thủy	4291
32.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
33.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
35.	Phá dỡ	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
40.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
41.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
42.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết:- Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội ngoại thất công trình; - Thiết kế công trình giao thông cầu, đường bộ;Thiết kế đồ họa; - Thiết kế mạng thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình	7110

xây dựng;

- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV (Khoản 1 Điều 48 NĐ 59/2015/NĐ-CP)
- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (điểm a, khoản 1, điều 9a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy năm 2013)
- Quản lý dự án các công trình xây dựng; (Nghị Định 59/2015/NĐ-CP)
- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Tư vấn quản lý dự án các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nông thôn;
- Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi, tiền khả thi;
- Lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Tư vấn thẩm tra thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, cấp thoát nước môi trường. (Nghị Định 59/2015/NĐ-CP)
- Tư vấn, lập và quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ mời thầu, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thẩm tra dự án đầu tư, bản vẽ thi công, tổng dự toán, giá thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng); (Luật đấu thầu 2005)
- Khảo sát xây dựng; (Nghị Định 59/2015/NĐ-CP)
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện loại công trình thủy lợi và thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy lợi và thủy điện lĩnh vực thiết bị công trình;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ;
- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công các công trình đường dây và trạm biến áp đến 220kV;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: Dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; (Khoản 1 Điều 49 NĐ 59/2015/NĐ-CP)
- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (điểm a, khoản 1, điều 9a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy năm 2013)

43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221

45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
47.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 nghị định 10/2020/NĐ-CP) - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (Điều 6 nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4931
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
51.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
52.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm chức năng (Điều 9 nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ y tế) - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác.	4632

53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thực phẩm chức năng (Điều 9 nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ y tế) - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
55.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
56.	Bán buôn đồ uống	4633
57.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
58.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
59.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
60.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
63.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

64.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
65.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
67.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
68.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
69.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
70.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
71.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
72.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
73.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
75.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
76.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
77.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
78.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
79.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
80.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
81.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke và vũ trường)	5610
82.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
83.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke và vũ trường)	5629

84.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke và vũ trường)	5630
85.	Đại lý du lịch	7911
86.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành (khoản 9 điều 3 Luật du lịch năm 2017)	7912
87.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
88.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
89.	In ấn	1811
90.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
91.	Sao chép bản ghi các loại	1820
92.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
93.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Điều 28 Luật Thương mại 2005) Ủy thác xuất nhập khẩu (Điều 155 Luật Thương mại 2005)	8299

6. Vốn điều lệ: 600.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN BÁ NGỌC	Số nhà 18, đường Phú Mỹ, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	540.000.000	90,000	001082019442	
2	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Xóm 7, thôn Phú Xuyên 3, Xã Phú Châu, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	60.000.000	10,000	111666451	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 05/05/2020 đến ngày 04/06/2020

* Họ và tên: NGUYỄN BÁ NGỌC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082019442

Ngày cấp: 17/11/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 18, đường Phú Mỹ, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 18, đường Phú Mỹ, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội